

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HIỆP  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2021/DS - ST

Ngày: 25-3-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp  
hụi*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Rô Be

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.**  
Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021 ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị X, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân L, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Bà Lê Thị K, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân T, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị X trình bày:*

Trước đây vào ngày 20/12/2018 ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K là chủ hụi bà Lâm Thị X có tham gia chơi 05 chân hụi gồm 04 chân hụi 3000.000đ và 01 chân hụi 2.000.000đ. Tổng số tiền bà X đóng cho bà Kiều ông D là 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Nhưng đến kỳ bà X hót hụi vợ chồng ông D, bà K không giao hụi cho bà X, bà X có đến nhắc nhở nhiều lần, nhưng ông D, bà K chỉ làm cam kết mà không đưa tiền. Đến ngày 09/6/2020 ông D, bà K có làm tờ cam kết còn thiếu bà X số tiền hụi là 135.000.000đ và cam kết hàng tháng trả 5000.000đ vào ngày 10 tây dương lịch hàng. Nhưng kể

từ ngày làm cam kết đến nay ông D, bà K không thực hiện.

Tại phiên Tòa bà Lâm Thị X yêu cầu ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K trả số tiền 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập cho ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông D, bà K không có mặt và không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lâm Thị X khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K trả số tiền 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Lâm Thị X khởi kiện ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K, ông D, bà K có nơi cư trú tại:, ấp Tân T, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Được quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K đã được Tòa án niêm yết thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị X yêu cầu ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K trả số tiền 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án bà X cung cấp cho Tòa án tờ cam kết nhận nợ đề ngày 09 tháng 6 năm 2020 có chữ ký và chữ viết của ông Phạm Văn D bà Lê Thị K với nội dung : « *Vợ chồng tôi còn thiếu dì X số tiền 135.000.000đ nay tôi hứa 1 tháng gửi cho dì X 5.000.000đ vào ngày 10 tây hàng tháng.....* ».

[5] Xét tờ cam kết ngày 09/6/2020 giữa bà X và ông D, bà K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên tự nguyện viết tờ cam kết, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi làm tờ cam kết ông D, bà K hứa hàng tháng sẽ trả cho bà X số tiền 5000.000đ vào ngày 10 tây dương lịch hàng tháng cho đến khi hết nợ. Nhưng kể từ ngày làm tờ cam kết đến nay ông D bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà cố tình tránh né. Việc ông D, bà K chiếm dụng số tiền trên mà không trả cho bà X là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà X.

Tại phiên tòa bà Lâm Thị X yêu cầu ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K trả số tiền 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi là có sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D, bà K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 07/9/2020 bà Lâm Thị X có đơn đến Công an xã Tân H xác nhận địa chỉ của bị đơn ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K Công an xã và chính quyền địa phương xác nhận ông D, bà K vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tân T, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Hiện nay ông D, bà K đi làm ăn xa nhưng vẫn còn tới lui địa phương.

Theo quy định tại khoản 2 điểm a, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định.

“ Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ”

Từ những cơ sở trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị X yêu cầu ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K trả số tiền 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Án phí tính như sau: 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) x 5% = 6.750.000đ (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Yêu cầu của bà X được chấp nhận nên bà X không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Lâm Thị X số tiền tạm ứng án phí 3.375.000đ (*Ba Triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008085 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K phải nộp 6.750.000đ (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 353, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, bưu phưởng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị X.

2. Buộc ông Phạm Văn D, bà Lê Thị K trả cho bà Lâm Thị X số tiền 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Yêu cầu của bà Xê được chấp nhận nên bà X không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Lâm Thị X số tiền tạm ứng án phí 3.375.000đ (*Ba Triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008085 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phạm Văn Dân, bà Lê Thị K phải nộp 6.750.000đ (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn V, bà Lê Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Vũ**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi      giờ 00 phút, ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Danh Vũ**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Ngô Rô Be**

### **2. Bà Phan Thị Trúc Phương**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 261/2021/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng góp hội” giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn Tâm, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị Lùng, sinh năm: 1977 (Có mặt)

Cùng trú tại: Tổ 12, ấp Chí Thành, xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Tâm, bà Lùng, ông Trương Văn Linh, sinh năm: 1967, Địa chỉ: Số 52, tổ 02, ấp Tân Phú, xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

1/. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Xê, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 142, ấp Tân Lập, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Dân, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Bà Lê Thị Kiều, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 550, ấp Tân Thọ, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2

Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 353, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, bưu phưởng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Xê.

### **Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất**

2. Buộc ông Phạm Văn Dân, bà Lê Thị Kiều trả cho bà Lâm Thị Xê số tiền 135.000.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### **Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất**

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Yêu cầu của bà Xê được chấp nhận nên bà Xê không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Lâm Thị Xê số tiền tạm ứng án phí 3.375.000đ (*Ba Triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008085 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phạm Văn Dân, bà Lê Thị Kiều phải nộp 6.750.000đ (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất**

4. Quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị Xê có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn Dân, bà Lê Thị Kiều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất**

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ 30 phút, ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Vũ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

